

Số: 06/2025/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chế độ chi bảo đảm hoạt động của
Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 10/TTr-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định một số chế độ chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 48/BC-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định một số chế độ chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hội đồng nhân dân; Thường trực Hội đồng nhân dân; các Ban Hội đồng nhân dân; các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

b) Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 2. Chế độ chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp

Chế độ chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện theo quy định tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này; các nội dung khác không có trong phụ lục kèm theo Nghị quyết này thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2025.

Các nghị quyết: Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (*trước sắp xếp*) Ban hành Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang (*trước sắp xếp*) Quy định về một số chế độ chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Giang hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khoá XIX, Kỳ họp chuyên đề lần thứ hai thông qua ngày 25 tháng 8 năm 2025./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị, xã hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ngành: Tài chính, Tư pháp, KBNN khu vực VIII;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh Tuyên Quang (đăng tải);
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh TQ (đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature in blue ink]

Hầu Minh Lợi

PHỤ LỤC
MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHI BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG
(Kèm theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi	
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp xã
A	CHẾ ĐỘ VỀ TIỀN LƯƠNG, HOẠT ĐỘNG PHÍ ĐỐI VỚI ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỰC HIỆN THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 3 NGHỊ QUYẾT SỐ 1206/2016/NQ-UBTVQH13			
B	CỤ THỂ HOÁ CÁC NỘI DUNG CHI BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 4 NGHỊ QUYẾT SỐ 1206/2016/NQ-UBTVQH13			
I	Chi giám sát, khảo sát			
1	Chi hoạt động giám sát, khảo sát			
a	Xây dựng văn bản liên quan đến giám sát			
	- Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân:			
	+ Chi xây dựng nghị quyết, quyết định thành lập Đoàn Giám sát (bao gồm cả kế hoạch và đề cương)	đồng/bộ văn bản	2.000.000	700.000
	+ Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát của Tổ (khi Đoàn chia Tổ giám sát)	đồng/văn bản	500.000	200.000
	+ Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát; nghị quyết, kết luận giám sát	đồng/văn bản	2.000.000	1.000.000
	- Hoạt động giám sát của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân (không bao gồm công tác phí)	Mức chi bằng 60% đối với mức chi hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân		
b	Hỗ trợ điếm đến giám sát		-	-
	- Hỗ trợ điếm đến giám sát (do Đoàn giám sát quyết định lựa chọn điếm hỗ trợ)	đồng/điếm	2.000.000	1.000.000
	- Thăm hỏi hộ nghèo, gia đình chính sách (sổ hộ do Đoàn giám sát quyết định)	đồng/điếm	1.500.000	700.000
c	Chi bồi dưỡng mời chuyên gia tư vấn về các nội dung giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân theo điểm đ khoản 2 các Điều 62, 70, 80 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân	đồng/chuyên đề	3.000.000	1.000.000

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi	
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp xã
2	Chi hoạt động chất vấn, giải trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân		-	-
	- Chi xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động chất vấn, giải trình tại Kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân (bao gồm các văn bản liên quan đến tổ chức phiên giải trình, chất vấn)	đồng/bộ văn bản	1.000.000	500.000
	- Xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân về chất vấn; kết luận phiên giải trình, chất vấn	đồng/văn bản	1.500.000	500.000
3	Chi giám sát tại kỳ họp và nhiệm vụ phát sinh giữa 2 kỳ họp		-	-
a	Thẩm tra các báo cáo	đồng/báo cáo	1.000.000	400.000
b	Thẩm tra các dự thảo nghị quyết không phải là văn bản quy phạm pháp luật; riêng đối với dự thảo nghị quyết về công tác tổ chức cán bộ mức chi bằng 20% mức quy định tại mục này	đồng/ng nghị quyết	1.000.000	500.000
	- Thẩm tra các văn bản phát sinh giữa 02 kỳ họp theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	700.000	350.000
	- Thẩm tra các dự thảo Nghị quyết quy định cho giai đoạn thuộc các lĩnh vực kinh tế; văn hóa - xã hội; dân tộc; nội chính, pháp chế, an ninh - quốc phòng	đồng/ng nghị quyết	1.500.000	600.000
4	Họp thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp; họp thống nhất nội dung giám sát, thảo luận kết quả sau giám sát của Đoàn giám sát; tổ chức phiên giải trình, chất vấn; phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân (<i>phiên họp được tổ chức vào ngày thứ bảy, chủ nhật thì thành phần dự họp được hỗ trợ bằng 02 lần mức quy định tại điểm này</i>)			
	- Chủ trì	đồng/người/buổi	200.000	100.000
	- Các thành viên dự họp	đồng/người/buổi	100.000	50.000
	- Phục vụ	đồng/người/buổi	80.000	40.000

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi	
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp xã
5	Chi bồi dưỡng thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát (ngoài chế độ công tác phí, các thành viên Đoàn giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu được hỗ trợ)		-	-
	- Trưởng đoàn	đồng/người/ngày	200.000	200.000
	- Thành viên đoàn	đồng/người/ngày	150.000	150.000
	- Phục vụ	đồng/người/ngày	100.000	100.000
II	Tiếp xúc cử tri		-	-
1	Hỗ trợ cho các điểm đến tiếp xúc cử tri		-	-
	- Hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri	đồng/điểm	2.000.000	1.000.000
	- Hỗ trợ thăm hỏi các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nơi tiếp xúc cử tri (<i>số hộ do Tổ đại biểu quyết định</i>)	đồng/điểm	1.500.000	700.000
2	Chi bồi dưỡng cho đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc chủ trì tiếp xúc cử tri	đồng/người/điểm	150.000	100.000
3	Chi bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động phục vụ (không quá 05 người/điểm)	đồng/người/điểm	100.000	100.000
4	Chi xây dựng đề cương tiếp xúc cử tri; Báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị của cử tri của các Tổ đại biểu	đồng/đề cương, báo cáo	500.000	250.000
5	Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri, hỗ trợ hoạt động và khai thác tài liệu cho đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/đại biểu/năm	4.000.000	1.000.000
6	Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri của Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	1.000.000	500.000
III	Khám chăm sóc sức khỏe định kỳ		-	-
1	Hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe hằng năm cho đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/người/năm	3.000.000	1.000.000
2	Năm chuyển giao nhiệm kỳ: Đại biểu không tái cử, đại biểu khoá mới	Được hỗ trợ bằng 50% mức chi tại khoản 1 mục III phần B phụ lục này		

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi	
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp xã
IV	Hỗ trợ cho đại biểu HĐND		-	-
1	Hỗ trợ may lễ phục, trang phục: Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ 02 bộ	đồng/bộ	5.000.000	2.500.000
2	Học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu: Ngoài quy định về đào tạo, bồi dưỡng của Bộ Nội vụ, của tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng cho đại biểu cấp tỉnh, cấp xã nêu xét thấy cần thiết. Trang thiết bị phục vụ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong nhiệm kỳ (laptop, máy tính bảng...)	Thực hiện theo thực tế phát sinh		
3	Cung cấp báo chí		-	-
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	Được cung cấp Báo đại biểu nhân dân, báo địa phương theo số ra của đầu báo		
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã	Được cung cấp Báo đại biểu nhân dân, báo địa phương theo số ra của đầu báo nhưng không quá số báo của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp		
V	Chi công tác phí	Thực hiện theo quy định về mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh		
C	CÁC NỘI DUNG CHI KHÁC ĐỂ ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP			
1	Chi cho các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân		-	-
a	Chi hỗ trợ tiền ăn, nghỉ cho đại biểu		-	-
	- Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu mời dự kỳ họp (<i>áp dụng đối với đại biểu ở xa, không có điều kiện đi về trong ngày; đại biểu Hội đồng nhân dân dự kỳ họp không ăn thì được thanh toán bằng tiền</i>)	đồng/ngày/đại biểu	400.000	250.000
	- Chế độ phòng nghỉ cho đại biểu về dự kỳ họp	Thực hiện theo quy định của tỉnh về chế độ chi công tác phí		
b	Chi bồi dưỡng cho chủ tọa, thư ký kỳ họp (<i>trường hợp kỳ họp vào ngày thứ bảy, chủ nhật mức chi bằng 02 lần mức quy định tại điểm này, trừ hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân nghỉen cứu tài liệu</i>)		-	-

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi	
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp xã
	- Chủ tọa kỳ họp	đồng/người/ngày	400.000	200.000
	- Thư ký	đồng/người/ngày	150.000	80.000
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân tham dự kỳ họp	đồng/người/ngày	200.000	100.000
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân nghiên cứu tài liệu tại kỳ họp	đồng/người/ngày	200.000	100.000
c	Chi giải khát giữa giờ	đồng/người/buổi	40.000	20.000
d	Truyền hình trực tiếp, in tài liệu, trang trí khánh tiết, thuốc chữa bệnh thông thường cho đại biểu	Theo thực tế phát sinh		
đ	Hỗ trợ tiền xăng xe cho đại biểu Hội đồng nhân dân thuộc đối tượng sử dụng xe công trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân theo kế hoạch, giấy triệu tập (tham dự các kỳ họp, tiếp xúc cử tri, giám sát, khảo sát...)	Theo thực tế phát sinh		
e	Chi bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng cấp tỉnh, cấp xã chuẩn bị, phục vụ trực tiếp kỳ họp Hội đồng nhân dân (khoản/kỳ họp); <i>trường hợp kỳ họp vào ngày thứ bảy, chủ nhật thì mỗi ngày công chức, viên chức, người lao động được hỗ trợ thêm 100.000 đồng/ngày/người</i>	đồng/người/kỳ họp	600.000	300.000
g	Chi hỗ trợ đại biểu theo danh sách mời dự kỳ họp; bồi dưỡng cho phóng viên báo, đài; người phục vụ điện, nước; y tế; công an; lái xe cho đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/người/ngày	100.000	100.000
h	Chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết Hội đồng nhân dân (nghị quyết không phải nghị quyết quy phạm pháp luật)	đồng/nghị quyết	500.000	200.000
2	Hội nghị giao ban; hội nghị chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tổng kết nhiệm kỳ (<i>Hội nghị được tổ chức vào ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày Lễ thì được hỗ trợ bằng 02 lần mức quy định tại điểm này; trừ chi tiền ăn, nghỉ cho đại biểu, nước uống giữa giờ, tham luận tại hội nghị</i>)		-	-
	- Chi tiền ăn, nghỉ cho đại biểu, giải khát giữa giờ	Mức chi như tại điểm a, điểm c mục 1 phần C Phụ lục này		
	- Bồi dưỡng cho Chủ tọa hội nghị	đồng/người/buổi	200.000	100.000

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi	
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp xã
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu mời dự, công chức văn phòng	đồng/người/buổi	100.000	50.000
	- Viên chức, người lao động phục vụ	đồng/người/buổi	80.000	40.000
	- Tham luận tại Hội nghị (nếu có)	đồng/văn bản	500.000	250.000
3	Quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ	Theo thực tế phát sinh		
4	Chi xây dựng các văn bản của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân trình kỳ họp (<i>báo cáo, chương trình, tờ trình, dự thảo nghị quyết</i>)		-	-
	- Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ	đồng/báo cáo	4.000.000	2.000.000
	- Báo cáo năm trình kỳ họp	đồng/báo cáo	2.000.000	700.000
	- Báo cáo 6 tháng trình kỳ họp	đồng/báo cáo	1.000.000	400.000
	- Tờ trình, dự thảo nghị quyết do Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân chuẩn bị trình kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/tờ trình, dự thảo nghị quyết	1.200.000	500.000
	- Kết luận của chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/kết luận	1.000.000	400.000
	- Chương trình hoạt động toàn khóa	đồng/chương trình	2.000.000	700.000
5	Hỗ trợ may lễ phục cho cán bộ, công chức, người lao động cơ quan tham mưu, giúp việc hoạt động của Hội đồng nhân dân: Một nhiệm kỳ mỗi người được hỗ trợ kinh phí may 01 bộ lễ phục	đồng/bộ	5.000.000	2.500.000
6	Chi công tác xã hội, thăm hỏi, phúng viếng, hỗ trợ (do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định các trường hợp cụ thể)		-	-
a	Chi thăm hỏi các gia đình chính sách, người cao tuổi; hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ cho đại biểu Hội đồng nhân dân, nguyên lãnh đạo Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức, người lao động cơ quan trực tiếp tham mưu giúp việc cho hoạt động Hội đồng nhân dân		-	-

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi	
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp xã
	- Thăm hỏi, tặng quà các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng; người cao tuổi; hộ nghèo, cận nghèo nhân dịp Lễ, Tết Nguyên đán	đồng/người/lần	1.000.000	500.000
	- Hỗ trợ, tặng quà cho các gia đình nghèo, cận nghèo, các gia đình chính sách, người có công với cách mạng bị thiên tai, hỏa hoạn	đồng/gia đình	5.000.000	1.000.000
	- Hỗ trợ cho đại biểu Hội đồng nhân dân, nguyên lãnh đạo Hội đồng nhân dân bị bệnh hiểm nghèo (không quá 2 lần/người/năm)	đồng/người/lần	3.000.000	1.000.000
	- Chi thăm hỏi đại biểu Hội đồng nhân dân, nguyên lãnh đạo Hội đồng nhân dân khi ốm, đau	đồng/người/lần	1.000.000	500.000
	- Chi thăm hỏi công chức, người lao động cơ quan trực tiếp tham mưu, giúp việc hoạt động của Hội đồng nhân dân khi ốm đau	đồng/người/lần	500.000	300.000
	- Trường hợp gia đình đại biểu Hội đồng nhân dân gặp khó khăn đột xuất như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn...	đồng/gia đình	10.000.000	3.000.000
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân có cha mẹ đẻ, cha mẹ chồng (vợ), vợ (chồng) hoặc con chết được hỗ trợ	đồng/trường hợp	2.000.000	1.000.000
	- Các khoản hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, người lao động cơ quan trực tiếp tham mưu, giúp việc cho hoạt động Hội đồng nhân dân	Mức chi áp dụng bằng 50% mức chi đối với đại biểu Hội đồng nhân dân		
b	Chi phúng viếng của Thường trực Hội đồng nhân dân; các Ban Hội đồng nhân dân; các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân		-	-
	- Cha mẹ của: Đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên lãnh đạo Thường trực Hội đồng nhân dân; lãnh đạo các Sở, Ban, ngành; lãnh đạo cơ quan quản lý, chính quyền các cấp - Đại biểu Hội đồng nhân dân; lãnh đạo các Sở, Ban, ngành; lãnh đạo cơ quan quản lý, chính quyền các cấp; cán bộ, công chức, người lao động cơ quan tham mưu giúp việc tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân cấp xã	đồng/người/lần	1.000.000	500.000